TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 812/2024/HS-PT
Ngày 14-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 263/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Hồng T. Do có kháng cáo của bị cáo Vũ Hồng T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2024/HS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Vũ Hồng T**; giới tính: nam; sinh ngày 24/5/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên là Giám đốc Công ty Cổ phần D1; nơi đăng ký thường trú: 2 đường H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú; F đường L, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; con ông Vũ Hồng K (chết) và bà Nguyễn Thị Bích T1; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 19/5/2021, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", được tính từ ngày chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 07/4/2019 đến 05/7/2019 (bản án số 187/2021/HSST); bị cáo kháng cáo nhưng hiện chưa có kết quả xét xử phúc thẩm.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/11/2021. *(Có mặt)*

**Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Trọng N – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

**Bị hại:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2; địa chỉ trụ sở: 3 đường N, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội; *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh H; sinh năm 1988; nơi cư trú: K, thị trấn Đ, tỉnh Nghệ An (văn bản ủy quyền ngày 29/02/2024). *(Vắng mặt)*

2. Công ty Cổ phần Y; địa chỉ: Lô C khu Đô thị mới T, phố D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị P; sinh năm 1964; nơi cư trú: Lô C khu đô thị M, phố D, quận C, Thành phố Hà Nội. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Minh D; sinh năm 1970; nơi đăng thường trú: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C trong một vụ án khác). *(Có mặt tại phiên tòa ngày 19/8/2024; Vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/9/2024)*

2. Ông Lê Duy A; sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: B H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: 456/20 đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

3. Bà Nguyễn Thị Bích T1; sinh năm 1966; địa chỉ: 2 đường H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 65A đường L, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X; địa chỉ: 6 đường X, Phường D, quận T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị T2 – Giám đốc. *(Vắng mặt)*

5. Ông Vũ Viết C; sinh năm 1979; địa chỉ: F đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

6. Ông Nguyễn Hồng P1; sinh năm 1979; nơi đăng kỳ thường trú: Số A đường T, T, thành phố V; nơi cư trú: A đường H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

- *Người kháng cáo:* Bị cáo Vũ Hồng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần D1 (viết tắt là Công ty D1) do Vũ Hồng T là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật; mã số thuế là 0316033435; đăng ký kinh

doanh lần đầu ngày 22/11/2019; trụ sở tại địa chỉ: A Đ, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 1 ngày 23/06/2020, chuyển đến địa chỉ: 4 B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; ngày 08/01/2021, chuyển đến hoạt động tại địa chỉ: Tầng A tòa nhà H, số D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật, chức danh giám đốc là Vũ Hồng T, sinh năm 1979, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2 đường H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký vốn điều lệ là 10.000.000.000đ; ngành nghề đăng ký kinh doanh: buôn bán thực phẩm, đồ uống, vải may mặc, sản phẩm thuốc lá, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, điện gia dụng, băng đĩa âm thanh, môi giới bất động sản, xây dựng, mua bán ô-tô xe máy. Theo hồ sơ đăng ký kinh doanh, thì Công ty D1 có 10 cá nhân khác cùng tham gia góp vốn 800.000.000đ nhưng thực tế thì mỗi người chỉ góp được 30.000.000đ. Đến tháng 9/2019, do mâu thuẫn với nhau nên T đã mua lại toàn bộ cổ phần của các cổ đông sáng lập, mọi hoạt động kinh doanh đều do T điều hành.

Vào năm 2020, lợi dụng trong lúc tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nhu cầu về găng tay y tế tăng cao, Vũ Hồng T đã sử dụng pháp nhân Công ty D1 ký các hợp đồng mua bán găng tay y tế với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 (gọi tắt là Công ty H2) và Công ty Cổ phần Y (Công ty Y) để nhận tiền cọc, tiền thanh toán trước của các Công ty vừa nêu nhưng không thực hiện hợp đồng, không trả lại tiền cọc, cụ thể như sau:

1.Vụ việc liên quan đến việc ký kết hợp đồng với Công ty H2**:**

Ngày 21/5/2020, Công ty D1 do T làm đại diện (Bên A) và Công ty H2 do bà Hoàng Thị Hải A1 làm đại diện (Bên B) ký kết hợp đồng mua bán số 210520/HY-LXSG (BL 575), với nội dung chính như sau: Công ty D1 bán cho Công ty H2 10.000 thùng găng tay cao su y tế hiệu Vglove Nitrile do Công ty Cổ phần V1 sản xuất, hàng mới 100%, đạt chuẩn quốc tế, tổng trị giá là 12.230.000.000đ; thời gian thanh toán và giao nhận hàng chia làm 02 đợt, thực hiện trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng vừa nêu, buổi chiều 21/5/2020, Công ty H2 chuyển 6.000.000.000đ từ tài khoản 21310003005555 của Công ty H2 mở tại Ngân hàng B - Chi nhánh N2 đến tài khoản 99909906 của Công ty D1 mở tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh C1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (do T đứng tên đại diện chủ tài khoản).

Đến ngày 08/6/2020, T thực hiện bàn giao cho Công ty H2 thùng găng tay y tế có ghi nhãn hiệu là Vglove Nitrile do Công ty Cổ phần V1 sản xuất (BL 236), tương đương với số tiền 413.280.000đ. T viết 02 phiếu xuất kho, mỗi phiếu 02 liên, ký tên đóng dấu và đưa cho nhân viên giao nhận hàng của Công ty D1 để giao cho Công ty H2. Cả 02 phiếu xuất kho đều thể hiện tên hàng hóa là găng tay Khải Hoàn, size L và size XL. Số hàng hóa vừa nêu được giao tại kho của Công ty H2 tại địa chỉ Lô I, đường C, Khu công nghiệp T, phường T, quận T.

Tuy nhiên, khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng, T không giao số găng tay còn lại theo hợp đồng đã ký với Công ty H2 (9.664 thùng tương ứng 5.586.720.000đ). T bỏ địa chỉ kinh doanh, không có mặt tại nơi đăng ký thường trú.

Ngày 23/11/2021, Cơ quan điều tra tiến hành bắt giam T, đồng thời tiến hành khám xét thu giữ một số tài liệu, đồ vật như sau (BL 77, 80):

- 01 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp (không đề ngày) của Công ty Cổ phần D1;

- 01 tờ giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0114969 ngày 29/10/2021; - 01 con dấu tròn Công ty Cổ phần D1;

- 01 dấu tên Giám đốc Vũ Hồng T;

- 01 điện thoại Vsmart màu đen đã cũ; - 01 điện thoại Samsung màu trắng,

- 01 máy tính bảng Samsung màu trắng;

- 01 laptop hiệu HP Envy màu vàng đồng.

Trong quá trình điều tra, Công ty H2 có giao cho Cơ quan điều tra (BL 668-669):

- 02 phiếu xuất kho đề ngày 04/6/2020 do Công ty D1 cung cấp cho Công ty H2;

- 01 thùng găng tay size L, nhãn hiệu Vglove Nitrile (01 thùng có 10 hộp, 01 hộp có 100 chiếc) do Công ty D1 cung cấp cho Công ty H2;

- 01 thùng găng tay size XL, nhãn hiệu Vglove Nitrile (01 thùng có 10 hộp, 01 hộp có 100 chiếc) do Công ty D1 cung cấp cho Công ty H2.

Kết quả xác minh địa chỉ trụ sở Công ty D1, tại số A Đ, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh: Thực tế không có Công ty Lá xanh S hoạt động sản xuất kinh doanh và không có Vũ H1 đăng ký thường trú, cư trú tại đây.

Kết quả xác minh tại địa chỉ 4 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Không có Công ty Lá xanh S hoạt động kinh doanh và không có thông tin về Vũ Hồng T và nhân viên đăng ký tạm trú, thường trú.

Xác minh tại Chi cục thuế quận T cho kết quả như sau: Công ty D1 kê khai thuế VAT qua mạng internet bắt đầu từ quý 01/2019, quý 01/2020 và quý 02/2020; không kèm theo bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra, không nộp hồ sơ quyết toán thuế và báo cáo tài chính 2019.

Kết quả xác minh tại Công ty Cổ phần V1: Công ty Cổ phần V1 không giao dịch, ký kết hợp đồng mua bán, liên danh liên kết, không ký hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm găng tay y tế với T và Công ty D1.

Theo Kết luận giám định số 3851/KLGĐ-TT ngày 27/10/2021 của Phòng K1 - Công an Thành phố H, xác định được như sau:

- Chữ ký mang tên "Giám đốc" Vũ Hồng Tiến trên 02 liên phiếu xuất kho không ghi ngày tháng năm (ký hiệu Al, A2) và 02 liên phiếu xuất kho ghi ngày 04/6/2020 (ký hiệu A3, A4) so với chữ ký của Vũ Hồng T trên Hợp đồng mua bán số 210520/HY-LXSG ghi ngày 21/5/2020 (ký hiệu M1); văn bản của Công ty D1 gửi cho Công ty H2 ghi ngày 22/6/2020 nội dung xin lỗi về việc chậm giao hàng theo hợp đồng (ký hiệu M2); Hợp đồng trích thưởng cho Lê Duy A ghi ngày 21/5/2020 (ký hiệu M3) là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn (Công ty Cổ phần D1) trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với tài liệu mẫu cần so sánh ký hiệu M1 đến M3 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Bản in mẫu cần giám định hộp găng tay y tế hiệu Vglove-Nitrile size L (ký hiệu A5, A6) so với bản in mẫu so sánh ký hiệu M4 không phải do cùng một chế bản in ra.

- Bản in mẫu cần giám định găng tay y tế hiệu Vglove-Nitrile size XL (ký hiệu A7, A8) so với bản in mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một chế bản in ra.

- Bản in mẫu cần giám định ký hiệu từ A5 đến A8 được in bằng phương pháp in offset.

Trong quá trình điều tra, bị cáo, đại diện bị hại và những người liên quan khai trình như sau:

Bị cáo T *khai:*

T quen biết với Duy A thông qua một người bạn có tên là L, kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản và xử lý rác thải. Trong một lần cùng với L đến Công ty D1, Duy A biết Công ty D1 có mua bán găng tay y tế. Thông qua sự môi giới của Duy A, T đã ký hợp đồng bán cho Công ty H2 10.000 thùng găng tay y tế hiệu Vglove do Công ty V1 sản xuất đạt chuẩn quốc tế xuất khẩu, lô hàng trị giá 12.230.000.000đ. Sau khi ký hợp đồng, T đã nhận của Công ty H2 6.000.000.000đ tiền cọc, tiền được chuyển vào tài khoản số 99909906 của Công ty D1 mở tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh C1, Quận E. Thực tế, T chỉ mới giao cho Công ty H2 thùng găng tay tương ứng với trị giá 423.280.000đ theo hợp đồng.

T đã đặt mua 10.000 thùng găng tay y tế hiệu Vglove của Công ty Cổ phần Đ (do Ngô Minh D làm giám đốc) với giá 12.500.000.000đ để giao cho Công ty H2. T đã chuyển cho ông D 3.690.000.000đ (tương đương 30% trị giá hợp đồng), chuyển từ tài khoản 99909906 của Công ty D1 đến tài khoản 000003404235 của Công ty Đ. Sau đó, Công ty Đ có chuyển giao cho Công ty D1 310 thùng găng tay y tế tương ứng với trị giá 387.500.000đ.

Trong quá trình giao dịch, D cho biết rằng Công ty Đ là đại lý cấp 1 của Công ty V1. Qua ứng dụng Zalo, D gửi cho T 01 file PDF tài liệu về chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, công bố chất lượng sản phẩm găng tay Vglove của Nhà sản xuất VRG Khải Hoàn nên T tin tưởng số hàng mua từ Công ty Đ là hàng thật.

Sau đó, Công ty Đ giao cho T 310 thùng, T thu gom thêm và giao được cho Công ty H2 336 thùng. D thông báo cho T biết là sẽ giao tiếp cho T 1.000 thùng. Do vậy, theo yêu cầu của D, T đã đưa 1.250.000.000đ cho P1 là trợ lý của D. Tuy nhiên, Công ty Đ không tiếp tục giao hàng nên T không có hàng để giao cho Công ty H2. Hiện tại, D còn nợ T 5.552.500.000đ.

Tháng 8/2020, D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC03), Công an Thành phố H bắt vì có hành vi "Sản xuất buôn bán hàng giả" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Ngoài ra, T còn đặt cọc cho Công ty TNHH X 1.000.000.000đ để mua 336 thùng găng tay. Nhưng Công ty X không giao hàng. Sau khi T bị bắt, thông qua mẹ của T là bà Nguyễn Thị Bích T1, Công ty TNHH X có trả lại cho T 170.000.000đ; sau đó, bà T1 đã trả cho Công ty H2.

Bà Hoàng Thị Hải A1 *khai:*

Khoảng tháng 4/2020, Công ty H2 có nhu cầu mua găng tay y tế do Công ty V1 sản xuất để xuất khẩu sang Ý. Do vậy, bà Hải A1 nhờ người quen là Lê Duy A liên hệ đặt mua găng tay y tế do Công ty V1 sản xuất. Tuy nhiên, Duy A báo cho bà Hải A1 biết là Công ty V1 đã có các đơn hàng đặt kín đến năm 2021 nên không có hàng để bán.

Đến tháng 5/2020, Công ty H2 có đơn hàng xuất khẩu găng tay đi (259 Mỹ, bà Hải A1 lại liên hệ với Duy A nhờ tìm nguồn hàng để mua 10.000 thùng (tương ứng 1.000.000 đôi) găng tay y tế do Công ty V1 sản xuất. Sau đó, Duy A cho bà Hải A1 biết rằng Công ty D1 có nguồn hàng găng tay y tế Vglove của nhà sản xuất V2; đồng thời, Duy A còn cho bà Hải A1 biết rằng đã từng mua 500 thùng găng tay y tế của Công ty D1. Vì tin tưởng Duy A nên bà Hải A1 đồng ý để cho Duy A giao dịch mua hàng. Duy A trực tiếp soạn thảo hợp đồng mua bán, gửi qua email cho bà Hải A1, thống nhất các điều khoản giao kết giữa Công ty D1 và Công ty H2. Sau đó, Duy A tạo lập Group Zalo gồm bà Hải A1, Duy A và T để liên lạc với nhau. Giữa bà Hải A1 và T không trực tiếp trao đổi các điều khoản hợp đồng, T thông báo đơn giá mặt hàng khẩu trang y tế gửi qua email cho bà Hải A1, các giao dịch chủ yếu thông qua Zalo, email của Duy A.

Trước khi ký hợp đồng, thông qua ứng dụng Zalo, T chuyển cho Duy A và bà Hải A1 tệp dữ liệu gồm các chứng chỉ chứng nhận đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa găng tay y tế hiệu Vglove chính hãng từ nhà sản xuất V2; đồng thời, T giới thiệu Công ty D1 là đại lý cấp 1 của Công ty V1.

Theo hợp đồng đã ký, Công ty D1 có nghĩa vụ giao cho Công ty H2 10.000 thùng găng tay y tế Vglove trong thời hạn 20 ngày, đợt 1 giao 5.000 thùng, đợt 2 giao 5.000 thùng. Công ty H2 đã thanh toán cho Công ty D1 6.000.000đ. Tuy nhiên, hết thời hạn theo hợp đồng, Công ty D1 chỉ giao cho Công ty H2 336 thùng tương đương 336.000 đôi (giao tại kho của Công ty H2, tại địa chỉ Lô I, Đường C, Khu công nghiệp T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 08/6/2020, Công ty H2 có văn bản gửi cho Công ty D1 để yêu cầu giao hàng theo hợp đồng nhưng không nhận được phản hồi. Đến ngày 22/6/2020 (thời điểm đã trễ thời hạn giao hàng 13 ngày), Công ty D1 có văn bản trả lời và hẹn giao đủ hàng vào ngày 02/7/2020. Tuy nhiên, đến thời điểm vừa nêu, Công ty H2 vẫn không nhận được hàng và thông tin gì từ Công ty D1. Vì nghi ngờ bị lừa nên Công ty H2 đã tìm hiểu thì phát hiện Công ty D1 không còn hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh từ tháng 6/2020. Do vậy, Công ty H2 đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan công an.

Khi kiểm tra lô hàng 336 thùng găng tay đã đề cập, Công ty H3 nhận thấy: Không có chứng từ hóa đơn của Công ty V1; chỉ có 02 phiếu xuất kho (không ghi đầy đủ thông tin); hàng hóa có một số đặc điểm nghi vấn hàng giả. Do vậy, Công ty H2 chưa nghiệm thu. Tuy nhiên, sau đó Công ty H2 đã bán lại cho các khách hàng khác để thu hồi một phần vốn.

Công ty H2 đã cung cấp cho Cơ quan điều tra các chứng từ sau: Hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê kho, giấy ủy nhiệm chi, sao kê giao dịch tài khoản Ngân hàng số 21310003005555, 02 phiếu xuất kho, 02 thủng mau hàn găng tay y tế size L, XL nhãn hiệu Vglove Nitrile của Công ty D1 xuất bán và toàn bộ các dữ liệu "Chat" giao dịch qua email, Z giữa bà Hải A1, Duy A và T.

Ông Lê Duy A *khai như sau:*

Ông Lê Duy A có quen biết với bà Hải A1 và T; đồng thời biết T có kinh doanh mua bán găng tay y tế. Theo yêu cầu của bà Hải A1, Duy A đã làm môi giới liên hệ với Công ty D1 do T làm giám đốc để hỏi mua găng tay y tế Vglove do Công ty V1 sản xuất. Trong quá trình đàm phán, giao dịch, thông qua ứng dụng Zalo, T có gửi cho Duy A 01 file thông tin tài liệu chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, hình ảnh sản phẩm, công bố tiêu chuẩn chất lượng của nhà sản xuất VRG Khải Hoàn đối với sản phẩm găng tay V; Duy A gửi lại file tài liệu này cho bà Hải A1 thông qua ứng dụng Zalo; đồng thời, T cho biết rằng, Công ty D1 là đại lý cấp 1 của Công ty V1.

Vì tin tưởng T nên trong quá trình giao dịch với Công ty D1, Duy A không tìm hiểu thẩm tra các thông tin mà T cung cấp.

Sau đó, Duy A đứng ra làm môi giới cho Công ty D1 và Công ty H2 giao kết hợp đồng mua bán 10.000 thùng găng tay y tế hiệu Vglove Nitrile do Công ty V1 sản xuất. T thỏa thuận chi thưởng cho Duy A 100.000.000đ. Sau khi Công ty D1 giao 336 thùng găng tay cho Công ty H2, T đã chỉ cho Duy A 50.000.000₫ tiền thưởng. Bà Hải A1 cũng hứa rằng sau khi hoàn thành hợp đồng thì sẽ chỉ thưởng cho Duy A 300.000.000₫.

Ông Ngô Minh D *khai:*

Vào tháng 8/2020, ông D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC03), Công an Thành phố H bắt và khởi tố về tội "Sản xuất buôn bán hàng giả" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do ông D đã có hành vi ký kết hợp đồng bán găng tay cho Công ty H4 nhưng không giao hàng.

Ngày 25/5/2020, T và ông Ngô Minh D có ký kết với nhau về việc mua bán 10.000 thùng găng tay cao su y tế hiệu Vglove và S. Theo đó, Công ty Đ (do ông D làm giám đốc) bán cho Công ty D1 10.000 thùng găng tay cao su y tế hiệu Vglove và S với giá 12.500.000.000đ. Sau khi ký hợp đồng, T đã chuyển cho ông D 3.690.000.000đ (tương đương 30% trị giá hợp đồng), chuyển từ tài khoản 99909906 của Công ty D1 đến tài khoản 000003404235 của Công ty Đ. Sau đó, Công ty Đ có chuyển giao cho Công ty D1 310 thùng găng tay tương ứng với trị giá 387.500.000đ nhưng không xuất hóa đơn VAT.

Ông có nghe nhân viên của Công ty Đ nói là đã giao đủ cho Công ty D1 2 loại găng tay gồm 2 Vglove và S tương ứng với số tiền 3.690.000.000đ. Việc bị cáo T khai rằng đã giao cho nhân viên tên P1 1.250.000.000đ như thế nào thì ông D không biết.

Công ty Đ không phải là Đại lý cấp 1 của Công ty V1; ông D không cung cấp cho Tến thông tin, tài liệu, dữ liệu giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa, công bố sản phẩm liên quan mặt hàng găng tay y tế hiệu Vglove của Công ty V1. Việc T khai ông D còn nợ T 4.552.500.000đ là không đúng sự thật.

Ông Nguyễn Hồng P1 *khai:*

Tháng 05/2020, ông P1 làm tài xế cho ông D. Tháng 06/2020, ông D có nhờ ông P1 lấy hàng ở kho của ông D thuê trên đường N, Phường A, quận T để giao cho ông T ở quận T. Do vậy, ông P1 đã thuê xe ba gác chở 310 thùng găng tay Khải Hoàn giao cho ông T. Trước đó, ông P1 không biết ông T là ai. Chỉ khi giao hàng thì ông P1 mới biết ông T. Việc ông T3 nói có giao cho ông P1 1.250.000.000đ là hoàn toàn sai sự thật.

2.Vụ việc liên quan đến việc ký kết hợp đồng với Công ty Y**:**

Ngày 26/11/2020, Vũ Hồng T lấy tư cách là giám đốc Công ty D1 ký hợp đồng mua bán số 02112020/HĐMB ngày 26/11/2020 với Công ty Cổ phần Y (gọi tắt là Công ty Y) do bà Lưu Thị P (Giám đốc Công ty Cổ phần Y) làm đại diện. Hợp đồng có nội dung chính như sau: Công ty D1 bán cho Công ty Y lô hàng găng tay y tế hiệu Nitrile không bột, xuất xứ Malaysia, số lượng 200 tấn, đơn giá 335.000.000đ/tấn; tổng giá trị hợp đồng là 67.000.000.000đ.

Sau khi ký kết hợp đồng mua bán, ngày 27/11/2020 bà P chuyển 50.000.000đ tiền đặt cọc cho T bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản số 19035328587016 của T mở tại Ngân hàng T5 (nội dung chuyển khoản ghi: "LUU THI PHUONG Dat coc tien mua 200 tan gang tay YT cao su Nitri ko bot hang malaisia"). Tuy nhiên, sau đó T không giao hàng cho Công ty Y theo như hợp đồng đã ký và cũng không trả lại tiền cọc cho Công ty Y. Bà P liên lạc với T nhưng không nhận được sự phản hồi. Do vậy, ngày 21/5/2022, bà P đã làm đơn tố cáo T gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Quá trình điều tra Vũ Hồng T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu.

Về mặt dân sự: Theo lời khai của T và bà P thì trước khi ký hợp đồng mua bán găng tay y tế số 02112020/HĐMB ngày 26/11/2020, bà P và T có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau và bà P còn nợ T 16.892.000đ. Đôi bên đồng ý cấn trừ khoản tiền này vào số tiền T chiếm đoạt của Công ty Y và bị cáo đã trả cho Công ty Y 33.108.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 243/CT-VKS-P3 ngày 18/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2024/HS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 585 Bộ luật dân sự 2015,

1. Xử phạt bị cáo Vũ Hồng T 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2021.

2. Về các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Vũ Hồng T phải bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 5.416.720.000đ (năm tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng);

Ghi nhận theo hồ sơ vụ án việc bị cáo và bị cáo Vũ Hồng T với Công ty Cổ phần Y đã thỏa thuận và thực hiện xong việc bồi thường.

Phần dân sự liên quan giao dịch mua bán găng tay giữa Công ty Cổ phần D1 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn X và Công ty Cổ phần Đ có liên quan đến ông Vũ Viết C, ông Ngô Minh D và ông Nguyễn Hồng P1, nếu các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường như đã nêu, bị cáo còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, kêu oan vì cho rằng các giao dịch của bị cáo cùng các công ty là quan hệ dân sự, bị cáo mua bán khẩu trang là thật, do nguồn hàng khi đó không đủ cung ứng ra thị trường nên việc giao hàng có chậm so với thỏa thuận, bị cáo cũng không vắng mặt ở nơi cư trú hoặc cố ý thay đổi

trụ sở để trốn tránh trách nhiệm như cơ quan điều tra xác minh mà do tình hình dịch bệnh khiến bị cáo phải dời địa điểm kinh doanh; khi Công ty H2 yêu cầu hoàn lại số tiền đã chuyển thì hai bên cũng đã có văn bản cam kết về thời gian trả tiền. Đối với số tiền quy kết bị cáo chiếm đoạt của Công ty H2 thì khi nhận 6.000.000.000 đồng tiền mua găng tay của Công ty H2 vào ngày 21/5/2020, đến ngày 25/5/2020 bị cáo đã chuyển cho Công ty Đ do Ngô Minh D làm giám đốc 3.690.000.000 đồng để mua găng tay y tế theo Hợp đồng mua bán 10.000 thùng găng tay đã ký với ông D; bị cáo cũng dùng một phần số tiền trên chuyển cho Công ty X do Vũ Viết C nhận 1.000.000.000 đồng để mua găng tay nhưng các công ty này không đủ hàng giao và chỉ có Công ty Đ giao cho bị cáo 310 thùng găng tay. Do đó việc bị cáo mua bán là thật, không có ý đồ chiếm đoạt tiền của Công ty H2. Số tiền 50.000.000 đồng của Công ty Y đã chuyển cho bị cáo không phải là tiền cọc mua găng tay mà giữa bị cáo với Hưng T4 trước đó có giao dịch nên là tiền Hưng T4 chuyển trả cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, tuyên bị cáo không phạm tội.

Ngô Minh D trình bày: thừa nhận Vũ Hồng T có đặt mua 10.000 thùng găng tay y tế hiệu Vglove của Công ty V1 và có chuyển trước 3.690.000.000 đồng, D cử Nguyễn Hồng P1 giao cho T 310 thùng găng tay trị giá 387.500.000 đồng nhưng sau đó không giao tiếp vì chưa có hàng. Ngoài ra D và ông P1 không có nhận thêm khoản tiền nào khác của Vũ Hồng T. Hiện tại, D đang bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do hành vi mua bán găng tay và đang khiếu nại, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố D không đề cập đến giao dịch giữa bị cáo và D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về tố tụng, các chứng cứ đã được thu thập đầy đủ, hợp pháp. Các cơ quan tố tụng ở cấp sơ thẩm quy kết hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại nên phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với số tiền bị cáo đã nhận của Công ty H2 thì bị cáo cũng có sử dụng để chuyển tiền mua hàng cho Công ty Đ và Công ty X. Nội dung này chưa được điều tra làm rõ để xem xét về trách nhiệm dân sự đối với các bị hại. Bị cáo có kháng cáo liên quan đến tình tiết này và Ngô Minh D cũng có lời khai thừa nhận số tiền đã nhận nên cần phải xem xét giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong cùng vụ án chứ không thể tách riêng thành vụ kiện dân sự như án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng chưa đủ căn cứ để kết tội bị cáo vì chưa làm rõ về ý thức chiếm đoạt của bị cáo đối với các khoản tiền mà Công ty D1 của bị cáo nhận từ các bị hại theo hợp đồng mua bán đã ký kết. Thực tế là bị cáo có giao hàng, có đặt mua hàng để thực hiện theo hợp đồng nhưng đã bị các công ty T, X vi phạm hợp đồng sau khi nhận tiền ứng trước. Điều này không chỉ liên quan đến phần trách nhiệm dân sự mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc định tội bị cáo. Luật sư thống nhất theo ý kiến của Kiểm sát viên, đề nghị

chấp nhận kháng cáo của bị cáo và hủy bản án sơ thẩm để xem xét lại hành vi của bị cáo, tránh làm oan người vô tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thực tế có hoạt động kinh doanh, không cố ý chiếm đoạt tài sản của bị hại, chỉ vì chưa thực hiện xong hợp đồng do thiếu nguồn hàng và cũng không bỏ trốn. Xin cho bị cáo được tại ngoại để khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, quyền và nghĩa vụ của bị cáo cùng những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, khách quan và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

[2] Về nội dung:

Trên cơ sở đối chiếu lời khai của bị cáo với tài liệu, chứng cứ đã thu thập có cơ sở để kết luận:

Ngày 21/5/2020, Vũ Hồng T – đại diện Công ty D1 ký Hợp đồng mua bán số 210530/HY-LXSG cùng Công ty H2 với nội dung: Công ty của T bán cho Công ty H2 10.000 thùng găng tay cao su y tế hiệu Vglove Nitrile do Công ty Cổ phần V1 sản xuất trị giá 12.230.000.000 đồng. Cùng ngày, Công ty H2 đã chuyển khoản tiền mua hàng cho bị cáo 6.000.000.000 đồng vào tài khoản do bị cáo đứng tên đại diện chủ tài khoản.

Công ty H2 sau đó nhận được 336 thùng găng tay ghi nhãn hiệu tương đương 413.280.000 đồng Vglove Nitrile do Công ty Cổ phần V1 sản xuất vào ngày 08/6/2020 được Công ty D1 chuyển đến. Tuy nhiên sau đó Công ty H2 không nhận được số hàng còn lại theo hợp đồng do Công ty D1 đã chuyển địa chỉ mà không thông báo và bị cáo cố tình cắt đứt liên lạc. Số tiền Công ty H2 đã chuyển bị chiếm đoạt là 5.586.720.000 đồng.

Với thủ đoạn trên, Công ty Cổ phần Y cũng đã ký Hợp đồng mua bán số 02112020/HĐMB ngày 26/11/2020 với Công ty D1 do Vũ Hồng T đại diện mua 200 tấn găng tay y tế cao su N1 không bột, xuất xứ Malaysia trị giá 67.000.000.000 đồng. Ngày 27/11/2020 đại diện Công ty Y đã chuyển khoản vào tài khoản do T đứng tên 50.000.000 đồng tiền đặt cọc sau đó không được giao hàng và không trả lại tiền.

Việc các Công ty mua găng tay của Công ty D1 là thông qua giới thiệu của Lê Duy A, ông A được bị cáo chuyển thông tin về hàng hóa qua Zalo và tự nhận là Đại lý cấp 1 của Công ty Cổ phần V1. Thực chất, Công ty D1 được thành lập trên phần hùn vốn của 10 cá nhân, trong đó có bị cáo, và không có chức năng kinh doanh găng tay y tế trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đến thời điểm ký hợp đồng mua bán găng tay thì bị cáo đã mua lại tất cả phần hùn của các cá nhân hùn vốn và không hoạt động trong thực tế, không khai báo thuế theo quy định, không phải là đại lý của Công ty Cổ phần V1 như bị cáo tự giới thiệu và cũng không đủ năng lực tài chính để thực hiện hợp đồng.

Như vậy, bằng việc đưa ra các thông tin gian dối về pháp nhân do mình đại diện, bị cáo đã ký Hợp đồng mua bán găng tay y tế, nhận tiền cọc của doanh nghiệp H5 và H nhưng không có đủ hàng giao như đã cam kết, sau đó cắt đứt liên lạc, dời địa điểm kinh doanh để chiếm đoạt tiền hàng của hai công ty mua hàng. Hành vi của bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của pháp nhân khác. Với số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Xét hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, tài sản chiếm đoạt có giá trị đặc biệt lớn, thực hiện hành vi từ 02 lần trở lên nên cần xử phạt nghiêm. Việc bồi thường thiệt hại cũng mới chỉ được một phần so với yêu cầu của bị hại và phán quyết của án sơ thẩm. Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ tuyên hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện bị hại:

Xét bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa bị cáo kêu oan cho rằng bị cáo thực tế có hoạt động kinh doanh và việc ký kết các hợp đồng mua bán găng tay y tế với bị hại là giao dịch dân sự, bị cáo không có ý thức gian dối và không bỏ trốn hoặc né tránh khi bị hại yêu cầu được hoàn lại số tiền đã chuyển khoản mua hàng; số tiền nhận cọc của các bị hại đã giao cho Công ty Đ để đặt mua găng tay nhưng bị Giám đốc Công ty Đ là Ngô Minh D lừa đảo, dẫn đến từ khi D bị khởi tố đã không trả tiền cho bị cáo; tiền chuyển cho Công ty X để mua găng tay cũng bị công ty này chiếm giữ mà không giao hàng theo thoả thuận nên đây chỉ là giao dịch dân sự, bị cáo chỉ vi phạm nghĩa vụ trả tiền, giao hàng, không có yếu tố gian dối để chiếm đoạt tiền cọc.

Xét hành vi của bị cáo như đã phân tích đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, án sơ thẩm đã xét xử đúng tội, không oan. Bởi lẽ vào thời điểm bị cáo ký hợp đồng bán găng tay cho Công ty H2 thì công ty D1 không có hàng hóa là găng tay y tế, cũng không phải là đại lý hoặc nhà phân phối găng tay y tế của Công ty V1, sau khi ký kết và nhận tiền mới tìm cách mua găng tay nhưng không đúng loại hàng đã ký kết; bị cáo cho rằng mình lấy tài sản của bị hại để điều hành hoạt động kinh doanh của công ty là không hợp lý. Theo kết quả điều tra, bị cáo bỏ trốn nhiều nơi và không muốn gặp mặt để trả tiền cho bị hại. Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng của Công ty Y chuyển cho bị cáo, tại phần nội dung chuyển có ghi rõ là chuyển tiền đặt cọc để mua 200 tấn găng tay y tế nên hành vi ký kết hợp đồng bán găng tay cho các bị hại và nhận tiền cọc để chiếm đoạt không phải là giao dịch dân sự như bị cáo và người bào chữa nại ra. Khoản tiền đã chuyển cho các Công ty Đ, X được xác định là các giao dịch riêng của bị cáo và án sơ thẩm buộc bị cáo chịu toàn bộ trách nhiệm với số tiền chiếm đoạt gồm

5.586.720.000 đồng của Công ty H2 và 50.000.000 đồng của Công ty Y là có căn cứ.

Bị cáo kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ mới. Ngoài ra, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo đều đã được ghi nhận đầy đủ trong bản án sơ thẩm để lượng hình nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

Các ý kiến bào chữa của người bào chữa không có cơ sở để chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại về số tiền liên quan đến ông Ngô Minh D không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Đối với bản án đã xét xử bị cáo về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức sẽ được tổng hợp theo quy định khi các bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hồng T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47 và 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585 Bộ luật Dân sự.

1. Xử phạt bị cáo Vũ Hồng T 15 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn phạt tù tính từ ngày 23/11/2021.

2. Về các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Vũ Hồng T phải bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 5.416.720.000đ (năm tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng);

Ghi nhận theo hồ sơ vụ án việc bị cáo và bị cáo Vũ Hồng T với Công ty Cổ phần Y đã thỏa thuận và thực hiện xong việc bồi thường.

Phần dân sự liên quan giao dịch mua bán găng tay giữa Công ty Cổ phần D1 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn X và Công ty Cổ phần Đ có liên quan đến ông Vũ Viết C, ông Ngô Minh D và ông Nguyễn Hồng P1, nếu các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường như đã nêu, bị cáo còn phải

chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (2);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam - CA TP.HCM (2);
- Người tham gia tố tụng (2)
- Lưu VP(3), HS(2). 19b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ